

Bản án số: 04/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 17/05/2019

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ – THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ **Các Hội thẩm nhân dân:**

1 – Ông Vũ Trọng Thư.

2 – Ông Nguyễn Thành Nhật.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thùy Dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 02/04/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Chị Nông Thị S - Sinh năm 1992.**

Địa chỉ: Bản C – NT – Vi – Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

(*Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt*)

***Bị đơn: Anh Hoàng Văn B – Sinh năm 1991.**

Địa chỉ: Bản C – NT – Vi – Võ Nhai – Thái Nguyên

Dân tộc: Tày. (*Vắng mặt lần 2 không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nông Thị S trình bày: **Chị và anh Hoàng Văn B kết hôn năm 2011, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện Vi, Thái Nguyên.**

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 đứa con là cháu Hoàng Thị SB – Sinh

ngày 09/10/2011.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung: Chị và anh B không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do vợ chồng không hợp nhau nên cuộc sống gia đình nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 06/2015 đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B.

Về con chung: Chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi con, nếu được nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có tài sản chung.

Bị đơn anh Hoàng Văn B sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo nhiều lần để anh B đến Tòa án làm các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng anh B trốn tránh không đến, nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị S, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Văn B.

-Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nông Thị S được ly hôn anh Hoàng Văn B.

-Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị SB – Sinh ngày 09/10/2011 cho chị Nông Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B vì chị S không yêu cầu. Anh B có quyền đi lại thăm con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không có và không yêu cầu.

-Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn giữa chị Nông Thị S và anh Hoàng Văn B.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Nông Thị S khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn B nên chị Nông Thị S là nguyên đơn, anh Hoàng Văn B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị S: Cuộc hôn nhân giữa chị S và anh B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Về nguyên nhân ly hôn, căn cứ biên bản xác minh ngày 19/03/2019 của TAND huyện xác định quá trình chung sống chị S và anh B có xảy ra mâu thuẫn, chị S đã về bên ngoại sống từ cuối năm 2015 đến nay, vợ chồng anh B, chị S cũng sống ly thân từ đó đến nay. **Xét** cuộc hôn nhân giữa chị S và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị S.

[4] Về yêu cầu được trực tiếp nuôi **con chung là** cháu Hoàng Thị SB – Sinh ngày 09/10/2011 của chị S. Xét chị S hiện làm công nhân có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, đồng thời cháu Trang hiện đang sinh sống cùng mẹ và cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao **cháu** Hoàng Thị SB – Sinh ngày 09/10/2011 **cho chị Nông Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B vì chị S không yêu cầu. Chị S** và anh B cũng như các thành viên trong gia đình có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu Trang theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nông Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 228; 238 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nông Thị S được ly hôn anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị SB – Sinh ngày 09/10/2011 cho chị Nông Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B vì chị S không yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu SB mà không ai được cản trở.

Chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh B thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu SB.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007510 ngày 12 tháng 03 năm 2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND;
- UB xã;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Kim Tuấn